

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ QUẢNG SƠN

Số: 118 /BC-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Sơn, ngày 20 tháng 4 năm 2026

BÁO CÁO

**Đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Đường giao thông
từ Quốc lộ 28 vào khu sản xuất bon N'ting**

Kính gửi: Sở tài chính tỉnh Lâm Đồng.

Căn cứ Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 03/2016/QH14, Luật số 35/2018/QH14, Luật số 40/2019/QH14 và Luật số 62/2020/QH14;

Căn cứ luật số 90/2025/QH15, ngày 25 tháng 6 năm 2025 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Luật đấu thầu, Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, luật đầu tư, luật đầu tư công, luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 1757/QĐ-TTg ngày 31/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-TTg ngày 14/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tỉnh Đắk Nông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác

Căn cứ Chỉ thị số 25/CT-TTg ngày 08/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về mục tiêu, định hướng đầu tư công và nguyên tắc lập kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030;



Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND huyện Đắk Glong về phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 1685/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND huyện Đắk Glong về phê duyệt điều chỉnh khoản 9, Điều 1 Quyết định số 866/QĐ-UBND ngày 01/4/2025 của UBND huyện Đắk Glong về việc Phê duyệt Đồ án quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Sơn đến năm 2035; Căn cứ các văn bản pháp lý có liên quan;

Căn cứ Công văn số 2795/UBND-KTTH ngày 05/3/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc rà soát, hoàn thiện báo cáo tình hình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và xây dựng kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030; Căn cứ Công văn số 5163/UBND-KTTH ngày 16/4/2026 của UBND tỉnh Lâm Đồng về việc đề xuất danh mục dự án khởi công mới trong kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 611/STC-ĐTTĐ ngày 06/8/2025 của Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng về việc triển khai công tác lập, thẩm định, phê duyệt chủ trương đầu tư dự án.

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn Kính trình Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án: Nâng cấp Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào khu sản xuất bon N'ting, xã Quảng Sơn, với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN DỰ ÁN

1. Tên dự án: Nâng cấp Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào khu sản xuất bon N'ting.

2. Dự án nhóm: Dự án nhóm C.

3. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

4. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn.

5. Địa điểm thực hiện dự án: xã Quảng Sơn, tỉnh Lâm Đồng.

6. Tổng mức đầu tư dự án:

- Tổng mức đầu tư (dự kiến): **8.000.000.000** đồng (Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn).

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

- Kế hoạch vốn trung hạn giai đoạn 2026 - 2030: **8.000.000.000** đồng.

- Tiến độ và phân kỳ đầu tư thực hiện dự án:

Năm	Nguồn vốn tỉnh
Năm thứ nhất	5.000.000.000
Năm thứ hai	2.000.000.000

Năm thứ ba	1.000.000.000
Tổng cộng	8.000.000.000

7. Thời gian thực hiện: Đây là dự án nhóm C, thời gian đầu tư không quá 3 năm. Thời gian đầu tư cụ thể sau khi dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư.

Thời gian đề xuất thực hiện: Năm 2026 phê duyệt chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư; năm 2026-2028 thực hiện đầu tư xây dựng.

8. Đơn vị quản lý sử dụng: UBND xã Quảng Sơn.

II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA DỰ ÁN

1. Sự cần thiết đầu tư, các điều kiện để thực hiện đầu tư, sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch đầu tư:

1.1. Sự cần thiết phải đầu tư:

Tuyến Nâng cấp Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào khu sản xuất bon N'ting, có chiều dài khoảng 2,6Km. Đây là bon người đồng bào địa phương sinh sống, sản xuất lâu năm, đời sống người dân còn nhiều khó khăn, hiện trạng đang là đường đất, kết nối vào khu sản xuất của người dân bon N'tinh, việc đi lại, vận chuyển sản xuất nông sản khó khăn, phức tạp, đặc biệt là vào mùa mưa nhiều vị trí sinh lầy gây cản trở giao thông nguy cơ mất an toàn giao thông.

Đầu tư tuyến đường nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân đi lại, phục vụ vận chuyển nông sản, phân bón phục vụ sản xuất, đồng thời góp phần phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng đời sống nhân dân, đảm bảo an ninh quốc phòng, cũng như đảm bảo an toàn giao thông trong khu vực là rất cần thiết và cấp bách. Đồng thời đáp ứng quy mô và tiêu chí của đề án xây dựng nông thôn mới của xã Quảng Sơn.

1.2. Các điều kiện để thực hiện đầu tư:

- Về điều kiện năng lực chủ đầu tư: Đảm bảo theo quy định pháp luật.
- Về điều kiện giải phóng mặt bằng: Tuyến đường đầu tư nâng cấp theo đường hiện trạng, hai bên đường là nhà và đất trồng cây lâu năm của người dân nên việc giải phóng mặt bằng để thực hiện đầu tư dự án cơ bản thuận lợi.
- Điều kiện kỹ thuật công nghệ thi công: Với kết cấu áo đường bằng mặt đường bê tông xi măng; Các kết cấu công trình thoát nước bằng bê tông và bê tông cốt thép nên điều kiện kỹ thuật thi công là thuận lợi và phổ biến hiện nay.
- Điều kiện đấu nối với hệ thống hạ tầng kỹ thuật vùng: Hệ thống đấu nối hạ tầng kỹ thuật được đấu nối với các mạng lưới hạ tầng trong vùng phù hợp với định hướng phát triển của xã Quảng Sơn.

1.3. Sự phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội:

Công trình hoàn toàn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng trung hạn của địa phương, phù hợp với định hướng phát triển mạng lưới giao thông nông thôn gắn liền với quy hoạch vùng sản xuất nông nghiệp của xã Quảng Sơn.

2. Mục tiêu, quy mô, địa điểm và phạm vi đầu tư của dự án:

2.1. Mục tiêu đầu tư:

Nhằm hoàn thiện cơ sở hạ tầng giao thông của xã Quảng Sơn, đáp ứng nhu cầu giao thông đi lại, vận chuyển nông sản và các mặt hàng hỗ trợ cho sản xuất của người dân để được dễ dàng và giảm được chi phí trong sản xuất và tiêu thụ, tăng thu nhập kinh tế cho người dân, từng bước ổn định đời sống, góp phần phát triển kinh tế xã hội của xã Quảng Sơn và vùng lân cận và phục vụ nhiệm vụ An ninh – Quốc phòng trong khu vực.

2.2. Quy mô đầu tư:

- Chiều dài tuyến : 2,6Km.
- Loại công trình : Công trình giao thông.
- Cấp thiết kế : Cấp VI (miền núi).
- Bề rộng nền đường : 6,0 m
- Bề rộng mặt đường : 3,5 m
- Kết cấu mặt đường : Mặt đường bê tông xi măng.
- Công trình công thoát nước : Quy mô vĩnh cửu
- Tải trọng thiết kế thoát nước : 0,65HL-93

2.3. Phạm vi đầu tư:

Thực hiện đầu tư trên địa bàn xã Quảng Sơn, tỉnh Lâm Đồng.

3. Dự kiến tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

3.1. Tổng mức đầu tư (dự kiến): 8.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Tám tỷ đồng chẵn*).

Trong đó:

ĐVT: đồng

STT	Chi phí	Giá trị sau thuế
1	Chi phí xây dựng	6.600.000.000
2	Chi phí quản lý dự án	195.955.000
3	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	642.401.000
4	Chi phí khác	63.240.000
5	Dự phòng phí	498.404.000

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh.

3.2. Khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công và việc huy động các nguồn vốn, nguồn lực khác để thực hiện dự án:

Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách tỉnh, được đề xuất bố trí phân kỳ trong 03 năm (giai đoạn 2026-2030). Chủ đầu tư cam kết không gặp khó khăn, vướng mắc và triển khai thực hiện, giải ngân được ngay, hết số vốn được bố trí trong năm 2026.

Chủ đầu tư sẽ tổ chức triển khai hoàn thành dứt điểm từng giai đoạn, đoạn tuyến phù hợp với mức vốn được phân bổ hàng năm để đưa dự án vào khai thác, phát huy hiệu quả sớm nhất.

4. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư, dự kiến kế hoạch bố trí vốn phù hợp với điều kiện thực tế và khả năng huy động các nguồn lực theo thứ tự ưu tiên hợp lý, bảo đảm đầu tư tập trung có hiệu quả:

4.1. Dự kiến tiến độ triển khai thực hiện đầu tư:

Căn cứ trình tự thủ tục theo quy định của Luật Đầu tư công hiện hành và điều kiện thực tế của địa phương, thời gian thực hiện dự án dự kiến không quá 03 năm (trong giai đoạn 2026 - 2030), với các mốc tiến độ trọng điểm như sau:

- *Giai đoạn 1*: Chuẩn bị đầu tư (Quý I đến Quý II/năm thứ nhất): Hoàn thiện hồ sơ trình HĐND Tỉnh phê duyệt Chủ trương đầu tư; Tổ chức Khảo sát địa hình, địa chất; lập, thẩm định và phê duyệt Báo cáo Kinh tế - Kỹ thuật (BCKTKT).

- *Giai đoạn 2*: Thực hiện đầu tư (Từ Quý III/năm thứ nhất đến hết năm thứ 3):

+ Quý III/năm thứ nhất: Tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng và ký kết hợp đồng.

+ Quý IV/năm thứ nhất: Bàn giao mặt bằng, chính thức khởi công và triển khai thi công nền móng, mặt đường tại hiện trường.

+ Năm thứ 2: Huy động tối đa thiết bị, nhân lực thi công hoàn thiện mặt đường bê tông xi măng, hệ thống thoát nước.

+ Năm thứ 3 (Quý I + Quý II): Huy động tối đa thiết bị, nhân lực thi công hoàn thiện hệ thống thoát nước và an toàn giao thông.

- *Giai đoạn 3*: Kết thúc dự án (Cuối năm thứ 3): Nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng và hoàn thành công tác thanh quyết toán vốn đầu tư.

4.2. Dự kiến kế hoạch bố trí vốn và thứ tự ưu tiên huy động nguồn lực hợp lý:

- Nguyên tắc bố trí vốn: Tuân thủ nguyên tắc đầu tư tập trung, bám sát tiến độ thi công thực tế tại hiện trường. Áp dụng linh hoạt các quy định về quản lý hợp đồng xây dựng để đảm bảo tỷ lệ giải ngân đạt 100% kế hoạch vốn được giao, không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

- Kế hoạch phân bổ nguồn vốn Ngân sách tỉnh: **8.000.000.000** đồng, phân kỳ trong 03 năm:

Phân kỳ	Kế hoạch vốn dự kiến	Mục tiêu khối lượng và biện pháp giải ngân
Năm thứ nhất	5.000.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải ngân 100% các Chi phí tư vấn giai đoạn chuẩn bị đầu tư (Khảo sát, Lập BCKTKT, Lập HSMT...). - Hoàn thành ký hợp đồng xây lắp trong đầu Quý IV/năm thứ nhất. Áp dụng thủ tục tạm ứng hợp đồng thi công ở mức tối đa theo quy định (từ 30% giá trị hợp đồng) nhằm tạo điều kiện cho nhà thầu tập kết, dự trữ trước khối lượng lớn vật tư chủ yếu (thép, xi măng, đá cấp phối) để chống trượt giá, đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu giải ngân nguồn vốn 5 tỷ trước khi khóa sổ ngân sách năm. - Giải ngân thanh toán khối lượng thi công thực tế.
Năm thứ hai	2.000.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành (sau khi đã đối trừ dần tiền tạm ứng của năm thứ nhất). - Tập trung nghiệm thu thanh toán cho các hạng mục: Mặt đường Bê tông xi măng theo hình thức cuốn chiếu, thi công cống ngang và hệ thống thoát nước dọc. - Chi trả các chi phí Tư vấn giám sát, Quản lý dự án.
Năm thứ ba	1.000.000.000 đồng	<ul style="list-style-type: none"> - Giải ngân thanh toán khối lượng hoàn thành. - Tập trung nghiệm thu thanh toán cho các hạng mục: Hệ thống thoát nước và hệ thống an toàn giao thông. - Chi trả các chi phí Tư vấn giám sát, Quản lý dự án, Kiểm toán độc lập và hoàn tất quyết toán dự án hoàn thành.

5. Xác định sơ bộ các chi phí liên quan trong quá trình thực hiện và chi phí vận hành dự án sau khi hoàn thành:

5.1. Chi phí liên quan trong quá trình thực hiện dự án:

Toàn bộ chi phí phát sinh trong giai đoạn chuẩn bị và thực hiện đầu tư (bao gồm chi phí tư vấn khảo sát, lập báo cáo, quản lý dự án, giám sát và dự phòng phí) đã được tính toán đầy đủ, nằm trọn trong hạn mức Tổng mức đầu tư 8.000.000.000 đồng. Chủ đầu tư cam kết không làm phát sinh chi phí ngoài dự toán ngân sách đã được phê duyệt.

5.2. Chi phí vận hành, bảo trì dự án sau khi hoàn thành:

- Tuân thủ theo quy định của pháp luật về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng hiện hành.

- Sau khi nghiệm thu bàn giao đưa vào khai thác, tuyến đường sẽ được giao cho UBND xã Quảng Sơn trực tiếp quản lý. Hàng năm, địa phương sẽ cân đối trích nguồn ngân sách xã để thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng thường xuyên (phát quang hành lang tuyến, nạo vét khơi thông hệ thống rãnh dọc, cống ngang) và sửa chữa định kỳ mặt đường Bê tông xi măng, đảm bảo công trình khai thác bền vững theo đúng tuổi thọ thiết kế.

6. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động môi trường, xã hội; xác định sơ bộ hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế - xã hội của dự án:

6.1. Phân tích, đánh giá sơ bộ tác động về môi trường:

a. Các hoạt động xây dựng gây tác động đến môi trường

- Tiếng ồn và rung do sử dụng các loại máy thi công; Khí độc sinh ra khi xe máy vận hành ; bụi bản khi trời nắng và lầy lội khi trời mưa;.

- Rác và nước thải nơi các khu sinh hoạt của công nhân.

- Ô nhiễm nguồn nước mặt và nguồn nước ngầm do nước mặt chảy trên đường cuốn theo các chất hóa học do các phương tiện giao thông gây ra.

b. Các giải pháp xử lý trong giai đoạn thi công:

- Thi công các hạng mục hợp lý để tránh làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Giảm thiểu ô nhiễm và bụi bản: Thường xuyên tưới nước trên công trường, đặc biệt là vùng có dân cư tập trung. Các xe vận chuyển vật liệu và đất đá đều phải che chắn kín.

- Giảm thiểu tiếng ồn và rung của xe cơ giới: Qui định thời gian thi công trong ngày cho các đoạn tuyến qua các khu dân cư như không thi công trong thời gian từ 11h30' - 13h30 và từ 20h đêm đến 6h sáng hôm sau.

- Có kế hoạch đặc biệt về công tác phá nổ, công trường thi công có đầy đủ hệ thống biển báo, phòng hộ...

- Lán trại thi công phải đặt xa nguồn nước ít nhất 50m, có kế hoạch xử lý các chất thải do công nhân gây ra.

- Làm hệ thống rào chắn, tránh trường hợp đất đá rơi vãi.

c. An toàn lao động, phòng chống cháy nổ

Có các giải pháp đảm bảo an toàn lao động trong thi công, đặc biệt là trong công tác vận hành máy xây dựng.

6.2. Hiệu quả đầu tư kinh tế - xã hội

- Hiệu quả Kinh tế nông nghiệp:

+ Hạ tầng kiên cố cho phép xe tải trọng lớn vào tận rẫy thu mua, giúp cơ giới hóa khâu thu hoạch, rút ngắn thời gian vận chuyển. Điều này trực tiếp làm giảm tỷ lệ hao hụt nông sản, giảm chi phí cước vận tải, tránh tình trạng bị thương

lái ép giá, từ đó gia tăng giá trị chuỗi cung ứng và nâng cao thu nhập thiết thực cho người nông dân.

+ Việc đi lại, vận chuyển hàng hóa được thuận tiện, đảm bảo an toàn giao thông của người dân trong vùng dự án, ổn định cuộc sống, phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của địa phương, từ đó thực hiện bố trí, sắp xếp ổn định dân cư và nâng cao đời sống của người dân trong vùng, tăng thu nhập, góp phần giảm nghèo, bảo vệ môi trường

- Đảm bảo An ninh trật tự: Tuyến đường tạo ra một hành lang cơ động thông suốt, hỗ trợ các lực lượng chức năng của địa phương và lực lượng công an, quân sự dễ dàng tuần tra, bám nắm địa bàn khu vực sản xuất, góp phần đảm bảo an ninh trật tự vùng sâu, vùng xa trung tâm.

7. Phân chia các dự án thành phần:

Không phân chia dự án thành các dự án thành phần.

8. Các giải pháp tổ chức thực hiện:

8.1. Cơ cấu tổ chức và Quản lý dự án:

- Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn.

- Hình thức quản lý dự án: Căn cứ quy mô và tính chất kỹ thuật của công trình, để đảm bảo tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý đầu tư xây dựng hiện hành.

- Hình thức đầu tư: Nâng cấp, mở rộng trên cơ sở nền đường hiện hữu.

8.2. Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tuân thủ nghiêm ngặt Luật Đấu thầu hiện hành. Đối với gói thầu Xây lắp và Tư vấn (có giá trị vượt hạn mức chỉ định thầu), Chủ đầu tư sẽ tổ chức đấu thầu rộng rãi qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhằm đảm bảo tính công bằng, minh bạch, cạnh tranh và tiết kiệm tối đa cho ngân sách Nhà nước.

8.3. Quản lý tiến độ và chất lượng công trình:

- Về tiến độ: Quản lý chặt chẽ theo lộ trình 03 năm (trong giai đoạn 2026 - 2030). Gắn trách nhiệm giải ngân với từng mốc khối lượng hoàn thành của nhà thầu.

- Về chất lượng: Thuê tổ chức Tư vấn giám sát độc lập, có năng lực chuyên môn để giám sát thường xuyên, liên tục tại hiện trường (đặc biệt lưu ý giám sát quy trình xử lý nền móng và Mặt đường Bê tông xi măng); Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử lý các vấn đề liên quan đến tiến độ và chất lượng công trình; Thành lập và phát huy tối đa vai trò của Ban Giám sát đầu tư của cộng đồng xã Quảng Sơn, huy động sự tham gia của nhân dân trong việc giám sát chất lượng công trình, đảm bảo tính dân chủ và minh bạch

UBND xã Quảng Sơn kính trình Sở Tài chính tỉnh Lâm Đồng xem xét, thẩm định và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Chủ

trương đầu tư dự án để Ủy ban nhân dân xã Quảng Sơn có cơ sở triển khai các bước tiếp theo đúng quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Văn phòng HĐND và UBND xã;
- Các phòng ban chuyên môn thuộc xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đoàn Văn Phương



BẢNG KHAI TOÁN TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án: Nâng cấp Đường giao thông từ Quốc lộ 28 vào khu sản xuất bon N'ting

ĐVT: Đồng.

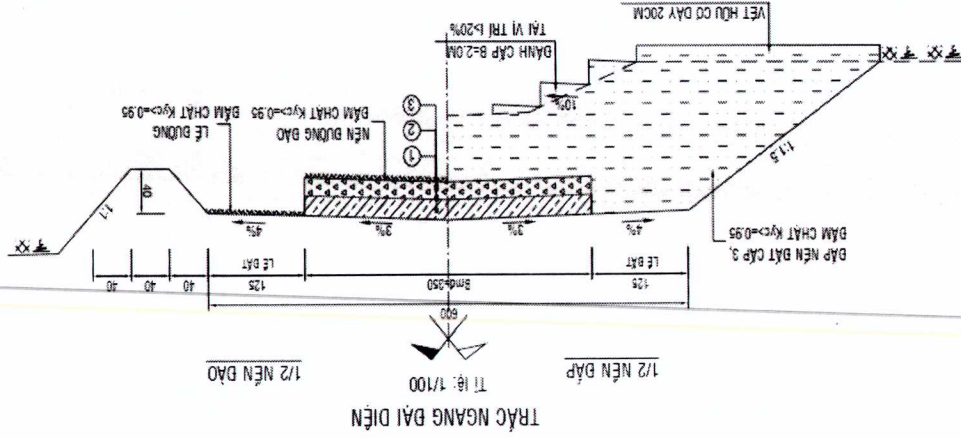
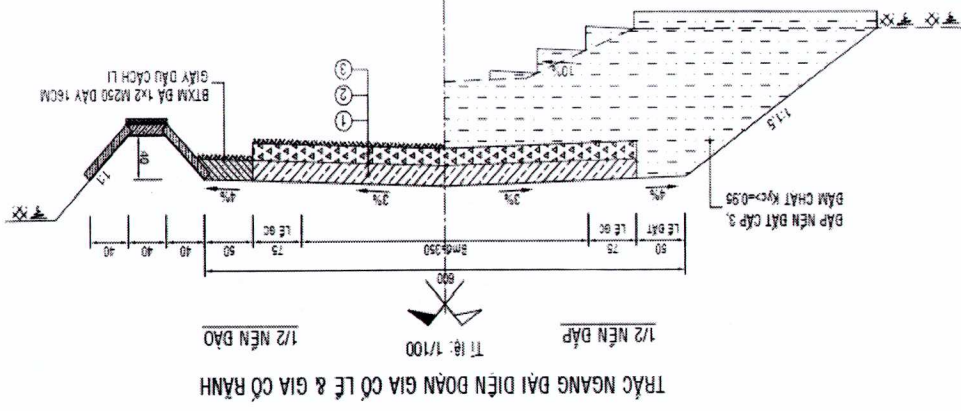
TT	Ký hiệu	Khoản mục chi phí	Cách tính	Chi phí trước thuế	Thuế GTGT	Chi phí sau thuế
I	Gxd	Chi phí xây dựng	Tạm tính 75%*TMĐT	6.000.000.000	600.000.000	6.600.000.000
II	Gqlda	Chi phí quản lý dự án	Gxd x 3,024%	181.440.000	14.515.200	195.955.000
III	Gtv	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	TV1 + ... + TV11	584.000.800	58.400.080	642.401.000
1	TV01	Chi phí khảo sát xây dựng	Tạm tính	140.000.000	14.000.000	154.000.000
2	TV02	Chi phí lập nhiệm vụ khảo sát (Thông tư số 11/2021/TT-BXD)	Gks x 3%	4.200.000	420.000	4.620.000
3	TV03	Chi phí giám sát công tác khảo sát xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)	Gks x 4,072%	5.700.800	570.080	6.271.000
4	TV04	Chi phí lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (Thông tư số 60/2025/TT-BXD)	Gxd x 3,15%	189.000.000	18.900.000	207.900.000
5	TV05	Chi phí lập hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)	Gxd x 0,346% x 45%	9.342.000	934.200	10.276.000
6	TV06	Chi phí đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu xây lắp (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)	Gxd x 0,346% x 55%	11.418.000	1.141.800	12.560.000
7	TV07	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu xây lắp (Nghị định số 214/2025/NĐ-CP)	Gxd x 0,1%	6.000.000	600.000	6.600.000
8	TV08	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu xây lắp (Nghị định số 214/2025/NĐ-CP)	Gxd x 0,1%	6.000.000	600.000	6.600.000
9	TV09	Chi phí giám sát thi công xây dựng (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)	Gxd x 3,203%	192.180.000	19.218.000	211.398.000
10	TV10	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC (Thông tư số 12/2021/TT-BXD)	Gxd x 0,17% (tối thiểu)	10.200.000	1.020.000	11.220.000
11	TV11	Chi phí thẩm tra dự toán (Thông tư số	Gxd x 0,166% (tối	9.960.000	996.000	10.956.000



HÌNH ẢNH TUYÊN QUẢ VỀ TỈNH

		12/2021/TT-BXD)	thiếu)			
IV	Gk	Chi phí khác	$K1 + \dots + K3$	61.740.000	1.500.000	63.240.000
1	K01	Chi phí phí thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật (Thông tư số 28/2023/TT-BTC)	TMĐT x 0,019%	1.140.000		1.140.000
2	K02	Chi phí bảo hiểm công trình (Nghị định 67/2023/NĐ-CP)	Gxd x 0,25%	15.000.000	1.500.000	16.500.000
3	K03	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư (Nghị định 254/2025/NĐ-CP)	TMĐT x 0,57%	45.600.000		45.600.000
V	Gdp	Chi phí dự phòng	-			498.404.000
		Tổng cộng:	$(I + \dots + V)$			8.000.000.000
Bằng chữ: Tám tỷ đồng						

CẮT NGANG ĐIỆN HÌNH



- QUY MÔ:**
- LOẠI CÔNG TRÌNH: GIAO THÔNG
 - CẤP CÔNG TRÌNH: CẤP IV
 - CẤP THIẾT KẾ: CẤP VI (MIỀN NÚI)
 - VẬN TỐC THIẾT KẾ: CẤP 20KM/H
 - NỀN ĐƯỜNG: BỀ MẶT = 6.0m
 - MẶT ĐƯỜNG: BỀ MẶT = 3.5m
 - LÊ ĐƯỜNG: BỀ MẶT = 1.25x2=2.5m
- GIẢI PHÁP THIẾT KẾ CHỦ YẾU**
- PHẦN A: MẶT ĐƯỜNG**
- THIẾT KẾ MẶT ĐƯỜNG BỀ TÔNG XI MĂNG KẾT CẤU MẶT ĐƯỜNG THỦ TỰ CÁC LỚP
 - TỰ TRÊN XƯƠNG NHƯ SAU:
 - 1 / MẶT ĐƯỜNG BỀ TÔNG XI MĂNG DÀ 1x2 M250 DÂY 16cm
 - 2 / LỚP GIẤY DẦU CÁCH LI
 - 3 / MÔNG CẤP PHỐI DÀ ĐÀM LOẠI 1 Đmax25 DÂY 14CM ĐÁM CHẤT K<=>0.98
- PHẦN B: LÊ ĐƯỜNG**
- LÊ ĐƯỜNG ĐẤT CẤP 3. ĐÁM CHẤT KÝ<=>0.95
 - GIA CỐ LÊ TẠI NHỮNG VỊ TRÍ CÓ BỐ ĐỐC > 4%. ĐOẠN QUÁ KHU VỰC ĐỒNG DẴN CỤ KẾT CẤU LÊ GIA CỐ TỰ TRÊN XƯƠNG NHƯ SAU:
 - 1 / MẶT ĐƯỜNG BỀ TÔNG XI MĂNG DÀ 1x2 M250 DÂY 16cm
 - 2 / LỚP GIẤY DẦU CÁCH LI
 - 3 / MÔNG CẤP PHỐI DÀ ĐÀM LOẠI 1 Đmax25 DÂY 14CM ĐÁM CHẤT K<=>0.98
- PHẦN C: THOÁT NƯỚC**
- THIẾT KẾ RÀNH THOÁT NƯỚC ĐỌC BẰNG RÀNH ĐẤT HÌNH THANG (SÂU 0.4M, RỘNG 0.4M) MÃI TÀ LUỖY TRONG 1/1, TÀ LUỖY NGOÀI 1/1.
 - GIA CỐ RÀNH BẰNG TẦM ĐÀN BỀ TÔNG XI MĂNG KÍCH THƯỚC 60x57x7cm TẠI NHỮNG ĐOẠN CÓ BỐ ĐỐC ĐỌC 1d>4%. ĐOẠN TẬP TRUNG NƯỚC, ĐOẠN QUÁ KHU VỰC ĐỒNG DẴN DÀN DỪ (CHỈ THIẾT XEM TRÊN BẰ).
 - KÍCH THƯỚC TRONG BẢN VẼ LÀ: CM